

TTT

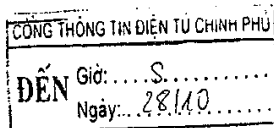
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **1828** /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày **27** tháng **10** năm **2015**



QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng Tổ quốc ghi công

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 04/2012/UBTVQH ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 70/TTr-LĐTBXH ngày 16 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng Tổ quốc ghi công cho 350 liệt sĩ thuộc Bộ Quốc phòng, thành phố Hà Nội và 15 tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Cao Bằng, Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Lào Cai, Lâm Đồng, Long An, Ninh Bình, Quảng Bình, Quảng Nam, Tiền Giang, Thái Bình, Yên Bái, Nghệ An (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ LĐ -Thương binh và Xã hội;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Khắc Định, TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Hùng v b.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc



DANH SÁCH
LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP BẰNG “TỔ QUỐC GHI CÔNG”
(Kèm theo Quyết định số: 1828 /QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2015
của Thủ tướng Chính phủ)

BỘ QUỐC PHÒNG

1. Liệt sĩ: Đặng Ngọc Lan

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1974.

2. Liệt sĩ: Đào Như Ý

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Lương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1969.

3. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lập

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1954.

TỈNH BẮC GIANG

4. Liệt sĩ: Tạ Bá Chính

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 11 năm 2014.

5. Liệt sĩ: Dương Văn Võ

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 3 năm 2015.

6. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hồng*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1974.

7. Liệt sĩ: Đào Văn Bào*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 8 năm 1979.

8. Liệt sĩ: Nguyễn Tuấn Đạt*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Dương Đức, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1967.

9. Liệt sĩ: Nguyễn Công Năm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hợp Đức, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1966.

10. Liệt sĩ: Tạ Văn Tin*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1970.

11. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Đình*

Đại đội trưởng dân quân, nguyên quán: xã Dĩnh Kế, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1967.

12. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Mùa*

Chiến sĩ du kích, nguyên quán: xã Dĩnh Kế, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1967.

13. Liệt sĩ: Đỗ Văn Sơn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Dĩnh Kế, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968.

14. Liệt sĩ: Đỗ Đình Thục*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972.

15. Liệt sĩ: Đoàn Mạnh Quân*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nghĩa Hồ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 11 năm 1967.

16. Liệt sĩ: Nguyễn Tiến Nghị (Nguyễn Sĩ Được)*

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1965.

17. Liệt sĩ: Hoàng Văn Dầu*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Kiên Mộc, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 8 năm 1969.

TỈNH BẮC NINH

18. Liệt sĩ: Nguyễn Trọng Bồi

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 3 năm 2015.

19. Liệt sĩ: Vũ Quang Hồng*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1967.

20. Liệt sĩ: Đỗ Viết Giáp*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1967.

21. Liệt sĩ: Đoàn Văn Nhẫn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 01 năm 1968.

22. Liệt sĩ: Tống Đức Hải*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1974.

23. Liệt sĩ: Đào Đắc Đỏ*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969.

24. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cận*

Thương binh $\frac{3}{4}$, nguyên quán: xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 7 năm 1987.

25. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nạp*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 02 năm 1974.

TỈNH CAO BẰNG

26. Liệt sĩ: Nông Công Ích

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: thị trấn Hùng Quốc, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 02 năm 2015.

TỈNH ĐẮK LẮK

27. Liệt sĩ: Lê Văn Khoát

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 3 năm 1953.

28. Liệt sĩ: Lê Chánh (Lê Gôm)

Đội phó đội công tác thị xã, nguyên quán: xã Quảng An, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1972.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

29. Liệt sĩ: Nguyễn Chí Huyền

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1952.

30. Liệt sĩ: Bùi Văn Chuyên

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 5 năm 1949.

31. Liệt sĩ: Nguyễn Bắc Nhiều

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1949.

32. Liệt sĩ: Dương Văn Tý

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 4 năm 1954.

33. Liệt sĩ: Vũ Đắc Định

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hữu Nam, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 01 năm 2013.

34. Liệt sĩ: Dương Đức Hiệp

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 61%), nguyên quán: xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 01 năm 2013.

35. Liệt sĩ: Bùi Văn Ninh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), trú quán: xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 8 năm 2008.

36. Liệt sĩ: Tạ Văn Cậy

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 11 năm 2014.

37. Liệt sĩ: Dương Văn Hải

Đoàn viên Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, nguyên quán: xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 11 năm 2008.

38. Liệt sĩ: Đỗ Bá Sự

Sinh viên Trường Kỹ thuật nghiệp vụ Công trình giao thông 1, nguyên quán: xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 11 năm 2008.

TỈNH HÀ TĨNH

39. Liệt sĩ: Vương Văn Xuân

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 02 năm 2014.

40. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tám

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 82%), nguyên quán: xã Kỳ Châu, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 10 năm 2012.

41. Liệt sĩ: Trương Khánh Nhu

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 61%), nguyên quán: xã Thạch Môn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 12 năm 2011.

TỈNH LÀO CAI

42. Liệt sĩ: Phạm Văn Điệp

Công dân, trú quán: tổ 9, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 4 năm 2000.

TỈNH LÂM ĐỒNG

43. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Lạng*

Cán bộ Ban lương thực tỉnh, nguyên quán: xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 2 năm 1971.

TỈNH LONG AN

44. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quý

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 9 năm 2014.

TỈNH NINH BÌNH

45. Liệt sĩ: Đoàn Văn Khảm*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Hòa, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1965.

46. Liệt sĩ: Phạm Tương Lai*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Công, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 6 năm 1970.

TỈNH QUẢNG BÌNH

47. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Lài*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1969.

48. Liệt sĩ: Lê Thanh Sầu*

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1974.

49. Liệt sĩ: Phạm Viết Thê*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Triệu Long, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 4 năm 1982.

50. Liệt sĩ: Lê Văn Hiếu*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 8 năm 1980.

51. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thành*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1980.

52. Liệt sĩ: Bùi Quang Đầu*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 3 năm 1989.

53. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Cư*

Kỹ sư nông nghiệp, nguyên quán: xã Quảng Hòa, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 9 năm 1968.

54. Liệt sĩ: Nguyễn Phúc Mạnh*

Lái trưởng thuyền vận tải sông biển, nguyên quán: xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1968.

55. Liệt sĩ: Hoàng Khuế*

Cán bộ Ủy ban hành chính huyện, nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1967.

56. Liệt sĩ: Đinh Lương Thiện*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hồng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 5 năm 1979.

TỈNH QUẢNG NAM

57. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cừ*

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Kỳ Hòa, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 5 năm 2013.

TỈNH TIỀN GIANG

58. Liệt sĩ: Trương Văn Đù*

Cán bộ xã đội, nguyên quán: xã Thanh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 19 tháng 12 năm 1940.

59. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhỏ*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969.

60. Liệt sĩ: Lê Văn Hưng*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 5 năm 1950.

61. Liệt sĩ: Phan Ngọc Trào*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1952.

62. Liệt sĩ: Đặng Văn Chính Nhỏ*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1954.

63. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ba*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1949.

64. Liệt sĩ: Dương Văn Tư*

Cán bộ an ninh huyện, nguyên quán: xã Tăng Hòa, thị xã Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 02 năm 1956.

65. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thêm*

Cán bộ binh vận xã, nguyên quán: xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1968.

66. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Năm*

Bí thư đoàn xã, nguyên quán: xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 8 năm 1962.

67. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Chai*

Bí thư chi bộ xã, nguyên quán: xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 7 năm 1970.

68. Liệt sĩ: Lê Thị Năm*

Cán bộ phụ nữ xã, nguyên quán: xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 7 năm 1950.

69. Liệt sĩ: Khru Văn Tý*

Công dân, nguyên quán: xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1964.

70. Liệt sĩ: Võ Văn Hý*

Trưởng ban thông tin văn hóa huyện, nguyên quán: xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1969.

71. Liệt sĩ: Trần Văn Phái*

Cán bộ nông hội xã, nguyên quán: xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1968.

72. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cu*

Y sĩ quân y huyện, nguyên quán: xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1969.

73. Liệt sĩ: Trần Văn Cù*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1970.

74. Liệt sĩ: Trần Văn Chuyên*

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1965.

75. Liệt sĩ: Phạm Ngọc Thành*

Phó công an xã, nguyên quán: xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 6 năm 1947.

76. Liệt sĩ: Phạm Văn Đồi*

Cán bộ tài chính xã, nguyên quán: xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 01 năm 1972.

77. Liệt sĩ: Lê Văn Bé Năm*

Cán bộ ấp, nguyên quán: xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 02 năm 1972.

78. Liệt sĩ: Nguyễn Thuận Hườn*

Bí thư huyện ủy, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1946.

79. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Chúc*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972.

80. Liệt sĩ: Đỗ Văn Ba*

Cán bộ đoàn xã, nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 6 năm 1973.

81. Liệt sĩ: Ngô Văn Triệu*

Nhân viên đoàn văn công huyện, nguyên quán: xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968.

82. Liệt sĩ: Phan Văn Nghĩa*

Phó đoàn văn công huyện, nguyên quán: xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 10 năm 1969.

83. Liệt sĩ: Lê Văn Cu*

Y tế xã, nguyên quán: xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 11 năm 1974.

84. Liệt sĩ: Lê Văn Tấn*

Cán bộ thị đội, nguyên quán: xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1969.

85. Liệt sĩ: Võ Thanh Liêm*

Cán bộ bưu điện tỉnh, nguyên quán: xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1967.

86. Liệt sĩ: Võ Tấn Nền*

Cán bộ bưu điện tỉnh, nguyên quán: xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969.

87. Liệt sĩ: Võ Hoàng Lượng*

Huyện ủy viên, nguyên quán: xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1969.

88. Liệt sĩ: Phạm Văn Cho*

Cán bộ đoàn xã, nguyên quán: thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1950.

89. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Tâm*

Y tá huyện, nguyên quán: thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969.

90. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lực*

Cán bộ văn phòng tỉnh, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 02 năm 1968.

91. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhiều*

Cán bộ thị đội, nguyên quán: xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1969.

92. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Răng*

Cán bộ thông tin văn hóa, nguyên quán: phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1962.

93. Liệt sĩ: Lê Thị Hồng Cúc*

Nhân viên văn phòng huyện ủy, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1968.

94. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kỳ*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 7 năm 1968.

95. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhân*

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 4 năm 1952.

96. Liệt sĩ: Trần Văn Chính*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 10 tháng 02 năm 1940.

97. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Kim Anh*

Cán bộ phụ nữ xã, nguyên quán: xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1969.

98. Liệt sĩ: Trần Văn Đen*

Giao liên ấp, nguyên quán: xã Đồng Sơn, thị xã Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 4 năm 1967.

99. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tài*

Trưởng ban quân y huyện, nguyên quán: xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1967.

100. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thành*

Cán bộ giao bưu vận tải tỉnh, nguyên quán: xã Đồng Sơn, thị xã Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1969.

101. Liệt sĩ: Lê Văn Cư*

Đội viên du kích, nguyên quán: thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1970.

102. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ê*

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 02 năm 1969.

103. Liệt sĩ: Phạm Văn Ngọc*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969.

104. Liệt sĩ: Võ Văn Cường*

Cán bộ binh vận khu ủy, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 3 năm 1974.

105. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kim*

Ủy viên thường vụ tỉnh ủy, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1958.

106. Liệt sĩ: Trần Văn Sinh*

Trung đội trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1961.

107. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quên*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 02 năm 1949.

108. Liệt sĩ: Võ Văn Quốc*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1969.

109. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Năm*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1966.

110. Liệt sĩ: Lê Văn Một*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969.

111. Liệt sĩ: Phạm Thanh Hùng*

Xã đội phó, nguyên quán: xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 02 năm 1950.

112. Liệt sĩ: Trần Văn Phép*

Cán bộ binh vận xã, nguyên quán: xã Bình Thạnh Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1966.

113. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Luân*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1969.

114. Liệt sĩ: Phạm Văn Liễu*

Cán bộ nông hội ấp, nguyên quán: xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1969.

115. Liệt sĩ: Trương Văn Năm*

Bí thư huyện ủy, nguyên quán: xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 02 năm 1972.

116. Liệt sĩ: Phạm Văn Phước*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1962.

117. Liệt sĩ: Phạm Văn Hồng*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 05 năm 1967.

118. Liệt sĩ: Đinh Văn Thặng*

Cán bộ tài chính xã, nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1967.

119. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tấn*

Y tá xã, nguyên quán: xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969.

120. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hân*

Giao liên xã, nguyên quán: xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 11 năm 1946.

121. Liệt sĩ: Trần Văn Tây*

Trưởng ban tuyên giáo ấp, nguyên quán: xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1972.

122. Liệt sĩ: Phạm Thị Dón*

Cán bộ phụ nữ xã, nguyên quán: xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1970.

123. Liệt sĩ: Trần Văn Ất*

Trưởng trạm thuế xã, nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1967.

124. Liệt sĩ: Lê Văn Tới*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1947.

125. Liệt sĩ: Đào Văn Củng*

Tiểu đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1960.

126. Liệt sĩ: Đỗ Văn Trừ*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1962.

127. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tường*

Cán bộ nông hội xã, nguyên quán: xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 11 năm 1946.

128. Liệt sĩ: Lê Văn Philippe*

Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh, nguyên quán: phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 11 năm 1946.

129. Liệt sĩ: Võ Văn Trường*

Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 5 năm 1969.

130. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hây*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1962.

131. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cà*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Bình Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1968.

132. Liệt sĩ: Tô Văn Hóa*

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 9 năm 1974.

133. Liệt sĩ: Lê Văn Trí*

Cán bộ y tế xã, trú quán: xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 9 năm 1964.

134. Liệt sĩ: Phạm Thị Tùng*

Tiểu đội phó Thanh niên xung phong, nguyên quán: xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969.

135. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kim*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1969.

136. Liệt sĩ: Đinh Văn Tho*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 8 năm 1948.

137. Liệt sĩ: Lê Văn Xê*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1967.

138. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Dương*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1966.

139. Liệt sĩ: Trần Văn Kiêng*

Bí thư đoàn xã, nguyên quán: xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 7 năm 1967.

140. Liệt sĩ: Trần Thị Thoi*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972.

141. Liệt sĩ: Phạm Thị Phước*

Cán bộ binh vận xã, nguyên quán: xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 10 năm 1951.

142. Liệt sĩ: Trương Văn Châu*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1969.

143. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bé*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1967.

144. Liệt sĩ: Phạm Văn Hiến*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972.

145. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tường*

Y tá dân y huyện, nguyên quán: xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 8 năm 1968.

146. Liệt sĩ: Trần Văn Tám*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1960.

147. Liệt sĩ: Đào Thị Khuyên*

Trưởng văn phòng Ty giáo dục tỉnh, nguyên quán: xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 6 năm 1949.

148. Liệt sĩ: Trần Văn Thới*

Cán bộ binh vận huyện, nguyên quán: xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1968.

149. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Thuê*

Cán bộ đoàn văn công tỉnh, nguyên quán: xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 12 năm 1969.

150. Liệt sĩ: Lương Văn Khôi*

Cán bộ binh vận thị xã, nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1965.

151. Liệt sĩ: Mai Văn Hòa*

Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1969.

152. Liệt sĩ: Thái Văn Chiến*

Cán bộ an ninh mật thị trấn, nguyên quán: xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1972.

153. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ngộ*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 12 năm 1971.

154. Liệt sĩ: Trần Quang Cơ*

Bí thư ban cán sự thành đoàn, nguyên quán: xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1961.

155. Liệt sĩ: Bùi Văn Trọng*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 08 tháng 5 năm 1941.

156. Liệt sĩ: Trần Văn Sáu*

Cán bộ bưu điện tỉnh, nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1972.

157. Liệt sĩ: Lê Văn Trạch*

Cán bộ cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 11 năm 1969.

158. Liệt sĩ: Trần Văn Tám*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1973.

159. Liệt sĩ: Chung Văn Tiêu*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 12 năm 1949.

160. Liệt sĩ: Mai Thanh Sơn*

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 01 năm 1972.

161. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nghĩa*

Đội viên du kích, trú quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 7 năm 1975.

162. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Bình*

Xã đội phó, nguyên quán: xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1969.

163. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Chính*

Cán bộ binh vận xã, nguyên quán: xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 7 năm 1971.

164. Liệt sĩ: Hồ Thị Hai*

Cán bộ phụ nữ xã, nguyên quán: xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1970.

165. Liệt sĩ: Lê Minh Nui*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1969.

166. Liệt sĩ: Trần Văn Phước*

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952.

167. Liệt sĩ: Trần Văn Bò*

Cán bộ giao liên tỉnh, nguyên quán: xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 12 năm 1948.

168. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Em*

Cán bộ đoàn thị xã, nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970.

169. Liệt sĩ: Dương Trí Phú*

Cán bộ cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Phước Hảo, huyện Bằng Đa, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1943.

170. Liệt sĩ: Trương Văn Biện*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 01 tháng 5 năm 1945.

171. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hai*

Cán bộ tài chính xã, nguyên quán: xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1968.

172. Liệt sĩ: Nguyễn Thành Liêm*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968.

173. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tri*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1955.

174. Liệt sĩ: Nguyễn Văn On*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1969.

175. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sảng*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1973.

176. Liệt sĩ: Trần Văn Trảng*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 8 năm 1967.

177. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ó*

Trung đội trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1963.

178. Liệt sĩ: Trương Văn Đầu*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1969.

179. Liệt sĩ: Võ Văn Di*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1962.

180. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lý*

Dân công hỏa tuyến xã, nguyên quán: xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 02 năm 1970.

181. Liệt sĩ: Tống Văn Lúp*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 06 năm 1972.

182. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kiệm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1968.

183. Liệt sĩ: Nguyễn Tân Bửu*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968.

184. Liệt sĩ: Nguyễn Thành Đô*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 01 năm 1968.

185. Liệt sĩ: Trần Văn Hoàng*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1948.

186. Liệt sĩ: Hồ Văn Bé*

Dân công tải thương huyện, nguyên quán: xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 01 năm 1969.

187. Liệt sĩ: Trần Văn Quán*

Cán bộ giao liên huyện, nguyên quán: xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 9 năm 1973.

188. Liệt sĩ: Đỗ Văn Thực*

Cán bộ cơ sở cách mạng, nguyên quán: phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1950.

189. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ổ*

Tiểu đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1971.

190. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Xây*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1968.

191. Liệt sĩ: Phạm Công Bình*

Chủ tịch ủy ban kháng chiến thị xã, nguyên quán: xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 3 năm 1950.

192. Liệt sĩ: Trần Văn Tuấn*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 11 năm 1967.

193. Liệt sĩ: Lê Văn Lùng*

Bí thư chi bộ xã, nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1960.

194. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hai*

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1962.

195. Liệt sĩ: Phạm Văn Hoanh*

Tiểu đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1960.

196. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đầy*

Xã đội phó, nguyên quán: xã Hậu Mỹ Phú, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1968.

197. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Be*

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1972.

198. Liệt sĩ: Lê Văn Tất*

Cán bộ Ủy ban hành chính kháng chiến, nguyên quán: xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 15 tháng 12 năm 1941.

199. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thu*

Xã đội phó, nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 05 năm 1965.

200. Liệt sĩ: Lê Hoàng Việt*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1971.

201. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bình*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cát Tường, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1963.

202. Liệt sĩ: Trương Minh Giành*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 12 năm 1965.

203. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Châu*

Cán bộ ban binh vận tỉnh, nguyên quán: xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1974.

204. Liệt sĩ: Đinh Văn Bé*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1968.

205. Liệt sĩ: Trần Văn Thơm*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 3 năm 1970.

206. Liệt sĩ: Lê Văn Long*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 11 năm 1948.

207. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lao*

Cán bộ Ủy ban hành chính kháng chiến xã, nguyên quán: xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 02 năm 1951.

208. Liệt sĩ: Trần Việt Sử*

Huyện đội phó, nguyên quán: xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 5 năm 1952.

209. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sinh*

Y tá Ty y tế tỉnh, nguyên quán: xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 02 năm 1975.

210. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thôi*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hậu Mỹ Nam, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 7 năm 1965.

211. Liệt sĩ: Trần Thiên Kiêm*

Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến xã, nguyên quán: xã Long Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1973.

212. Liệt sĩ: Đỗ Văn Dành*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 1967.

213. Liệt sĩ: Phan Văn Hai*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1970.

214. Liệt sĩ: Mai Văn Phước*

Cán bộ Nông hội huyện, nguyên quán: thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 02 năm 1946.

215. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bình*

Tiểu đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1965.

216. Liệt sĩ: Cao Văn Hên*

Đội viên dân quân, nguyên quán: xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 3 năm 1948.

217. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ba*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1963.

218. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Năm*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Mỹ Thiện, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1972.

219. Liệt sĩ: Lê Văn Ba*

Cán bộ nội tuyến huyện, nguyên quán: xã Long Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 6 năm 1951.

220. Liệt sĩ: Trần Văn Tấn*

Cán bộ đoàn văn hóa kháng chiến tỉnh, nguyên quán: xã Bình Nghi, huyện Gò Công Đông, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 7 năm 1949.

221. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thành*

Áp đội phó, nguyên quán: xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1969.

222. Liệt sĩ: Trần Văn Tuấn*

Cán bộ cơ sở cách mạng, nguyên quán: thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 12 năm 1946.

223. Liệt sĩ: Ngô Văn Được*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Bào Khoai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1947.

224. Liệt sĩ: Đào Văn Mầm*

Cán bộ nội tuyến Ban binh vận tỉnh, nguyên quán: xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972.

225. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cung*

Đội trưởng đội du kích ấp, nguyên quán: xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 01 năm 1946.

226. Liệt sĩ: Lê Thị Đà*

Hội trưởng Hội phụ nữ xã, nguyên quán: xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 12 năm 1948.

227. Liệt sĩ: Châu Thành Nho*

Cán bộ Ủy ban hành chính kháng chiến huyện, nguyên quán: xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1962.

228. Liệt sĩ: Nguyễn Trọng Bạch*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 7 năm 1969.

229. Liệt sĩ: Phạm Văn Biếu*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 9 năm 1950.

230. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Dĩ*

Trưởng phòng thông tin văn hóa huyện, nguyên quán: xã Long Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1954.

231. Liệt sĩ: Phạm Văn Tây*

Cán bộ tuyên truyền Ban Tuyên huấn tỉnh, nguyên quán: xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 3 năm 1970.

232. Liệt sĩ: Mai Văn Tiếng*

Công an xã, nguyên quán: xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 11 năm 1948.

233. Liệt sĩ: Lê Văn Lương*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1961.

234. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mão*

Đội viên dân quân, nguyên quán: xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 9 năm 1958.

235. Liệt sĩ: Từ Văn Tý*

Công an xã, nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 4 năm 1946.

236. Liệt sĩ: Huỳnh Tấn Tài*

Cán bộ dân y huyện, nguyên quán: xã Thanh Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 8 năm 1968.

237. Liệt sĩ: Đặng Văn Hiệp*

Huyện ủy viên, nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tháng 12 năm 1940.

238. Liệt sĩ: Võ Văn Đăng*

Phó ban chấp hành Nông hội xã, nguyên quán: xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 02 năm 1947.

239. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bộ*

Cán bộ Ban chấp hành Nông dân xã, nguyên quán: xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1946.

240. Liệt sĩ: Trần Văn Tám*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1963.

241. Liệt sĩ: Phạm Văn Rết*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1970.

242. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Măng*

Cán bộ giao liên huyện, nguyên quán: xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 6 năm 1949.

243. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ca*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Thiện, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1969.

244. Liệt sĩ: Trương Văn Toán*

Phó ban Công an xã, nguyên quán: xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 9 năm 1947.

245. Liệt sĩ: Võ Văn Dính*

Phó ban Công an xã, nguyên quán: xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 8 năm 1947.

246. Liệt sĩ: Hồ Văn Hoa*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1971.

247. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cận*

Cán bộ giao liên huyện, nguyên quán: xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1956.

248. Liệt sĩ: Võ Văn Chính*

Cán sự 2, nguyên quán: xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1974.

249. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Xinh*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 12 năm 1972.

250. Liệt sĩ: Trần Tấn Thành*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 8 năm 1972.

251. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Sơn*

Cán bộ nội tuyến xã, nguyên quán: xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 9 năm 1948.

252. Liệt sĩ: Đoàn Thị Nga*

Cán bộ Phụ nữ xã, nguyên quán: xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1967.

253. Liệt sĩ: Trần Văn Nữ*

Cán bộ hoạt động cách mạng, nguyên quán: xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 7 năm 1959.

254. Liệt sĩ: Đặng Văn Cát*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 6 năm 1947.

255. Liệt sĩ: Tô Văn Hà*

Cán bộ binh vận huyện, nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1970.

256. Liệt sĩ: Lê Văn Quận*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972.

257. Liệt sĩ: Phạm Văn Ngọng*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1968.

258. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hai*

Xã đội phó, nguyên quán: xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1969.

259. Liệt sĩ: Võ Văn Ty*

Tiểu đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 10 năm 1962.

260. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Muộn*

Y tá dân y huyện, nguyên quán: xã Mỹ Thiện, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1968.

261. Liệt sĩ: Đào Minh Hồng*

Công dân, nguyên quán: xã Long Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 5 năm 1974.

262. Liệt sĩ: Phạm Văn Răng*

Cán bộ y tá ngành thông tin tuyên truyền, nguyên quán: xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 11 năm 1948.

263. Liệt sĩ: Lê Văn Khá*

Trưởng ban Nông hội xã, nguyên quán: xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1950.

264. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thạch*

Cán bộ thông tin văn hóa ấp, nguyên quán: xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1962.

265. Liệt sĩ: Phạm Văn Dương*

Cán bộ hoạt động cách mạng, nguyên quán: xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 01 năm 1968.

266. Liệt sĩ: Đặng Văn Rớt*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Gò Công, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1947.

267. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Vinh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 12 năm 1965.

268. Liệt sĩ: Nguyễn Phú Lâm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trung Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1954.

269. Liệt sĩ: Võ Văn Lợi*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trung Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1965.

270. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Một*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1962.

271. Liệt sĩ: Trần Văn Mười*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1946.

272. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sô*

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, năm 1980.

273. Liệt sĩ: Phạm Hữu Thời*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1947.

274. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mẹo*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1962.

275. Liệt sĩ: Võ Văn Bi*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, năm 1979.

276. Liệt sĩ: Võ Văn Hồng*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1961.

277. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bốn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1964.

278. Liệt sĩ: Võ Văn Âu*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1965.

279. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bảy*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 2 năm 1968.

280. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sinh*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 12 năm 1964.

281. Liệt sĩ: Lê Văn Phải*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1966.

282. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quyền*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1972.

283. Liệt sĩ: Lê Văn Rái*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1950.

284. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Rái*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, năm 1979.

285. Liệt sĩ: Lê Thành Út*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1972.

286. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sáng*

Cán bộ trung ương Cục Tuyên huấn miền Nam, nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1970.

287. Liệt sĩ: Nguyễn Phát Đạt*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1968.

288. Liệt sĩ: Phan Văn Tư*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1963.

289. Liệt sĩ: Trần Văn Hoàn*

Cán bộ giao liên huyện, nguyên quán: xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1964.

290. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bảy*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1973.

291. Liệt sĩ: Lê Văn By*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1960.

292. Liệt sĩ: Đoàn Văn Muôn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1957.

293. Liệt sĩ: Lê Kim Hiệu*

Cán bộ hoạt động cách mạng, nguyên quán: phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 4 năm 1946.

294. Liệt sĩ: Lê Ngọc Duyên*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1965.

295. Liệt sĩ: Đặng Văn Tư*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1965.

296. Liệt sĩ: Lê Văn Đề*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1966.

297. Liệt sĩ: Lê Văn Sửu*

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Thạnh, huyện Tân Kế, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1954.

298. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kiển*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1954.

299. Liệt sĩ: Đặng Thị Lệ*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1968.

300. Liệt sĩ: Ngô Văn To*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1954.

301. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Giáo*

Cán bộ nội tuyến xã, nguyên quán: xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1949.

302. Liệt sĩ: Lê Văn Thoi*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 10 năm 1968.

303. Liệt sĩ: Trương Văn Hữu*

Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến xã, nguyên quán: phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 10 năm 1950.

304. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ân*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1967.

305. Liệt sĩ: Lê Văn Sậy*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969.

306. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quý*

Công an huyện, nguyên quán: xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 10 năm 1948.

307. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hòa*

Công an huyện, nguyên quán: xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1949.

308. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Rót*

Cán bộ Ban binh vận khu Trung Nam Bộ, nguyên quán: xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1971.

309. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Lư*

Cán bộ giao bưu khu 2 Nam Bộ, nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Kiến Bình, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1971.

310. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thắng*

Cán bộ bưu điện huyện, nguyên quán: xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1962.

311. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Sơn*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 8 năm 1949.

312. Liệt sĩ: Lê Công Phương*

Trưởng ban tài chính xã, nguyên quán: xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 6 năm 1948.

313. Liệt sĩ: Võ Văn Mỹ*

Cán bộ vận tải huyện, nguyên quán: xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 9 năm 1969.

314. Liệt sĩ: Lê Văn Bảy*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968.

315. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ó*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1970.

316. Liệt sĩ: Võ Văn Xê*

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Phước, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1966.

317. Liệt sĩ: Lê Văn Thời*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1977.

318. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đễ*

Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 10 năm 1981.

319. Liệt sĩ: Trần Phú Cường*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 6 năm 1984.

320. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tươi*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1972.

321. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đề*

Trưởng trạm giao liên huyện, nguyên quán: xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1968.

322. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đố*

Cán bộ an ninh huyện, nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1964.

323. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hồng*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1969.

324. Liệt sĩ: Phạm Văn Xinh*

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phước Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 8 năm 1969.

325. Liệt sĩ: Lê Quang Hải*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 7 năm 1985.

326. Liệt sĩ: Ngô Văn Đục*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 5 năm 1978.

327. Liệt sĩ: Đặng Hoàng Vũ*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 10 năm 1981.

328. Liệt sĩ: Nguyễn Tuấn Hải*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 11 năm 1984.

329. Liệt sĩ: Mai Thanh Xuân*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1969.

330. Liệt sĩ: Trần Văn Thuận*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 7 năm 1987.

331. Liệt sĩ: Lê Văn Báo*

Trưởng ban chấp hành Nông hội xã, nguyên quán: xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 5 năm 1976.

332. Liệt sĩ: Bùi Văn Hải*

Trung đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 8 năm 1966.

333. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thành*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 10 năm 1981.

334. Liệt sĩ: Phan Văn Dũng*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 9 năm 1988.

335. Liệt sĩ: Bùi Văn Dũng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 7 năm 1984.

336. Liệt sĩ: Lê Văn Trường*

Dân công xã, nguyên quán: xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1963.

337. Liệt sĩ: Hồ Văn Còn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 02 năm 1982.

338. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sáu*

Thương binh $\frac{1}{4}$, nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 12 năm 1993.

339. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sau*

Cán bộ giao liên xã, nguyên quán: xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1964.

340. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Bé*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969.

341. Liệt sĩ: Trần Minh Thông*

Tiểu đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 02 năm 1952.

342. Liệt sĩ: Trần Văn Mên*

Cán bộ binh vận khu 8, nguyên quán: xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 02 năm 1966.

TỈNH THÁI BÌNH

343. Liệt sĩ: Hoàng Xuân Uyển

Thương binh 2/4 (tỷ lệ 75%), nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 2015.

344. Liệt sĩ: Đào Văn Đẩu

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 10 năm 2014.

345. Liệt sĩ: Triệu Văn Minh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 02 năm 2014.

346. Liệt sĩ: Lê Nguyên Cừ

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 2014.

347. Liệt sĩ: Bùi Xuân Tuyên

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 01 năm 2015.

348. Liệt sĩ: Đào Văn Phán

Đội viên Quốc dân Đảng, nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 17 tháng 5 năm 1930.

TỈNH YÊN BÁI

349. Liệt sĩ: Nguyễn Quang Chung*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1972.

TỈNH NGHỆ AN

350. Liệt sĩ: Thái Khắc Thị

Đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, nguyên quán: xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, năm 1931./.

* Liệt sĩ có thân nhân đã được giải quyết chế độ trước ngày 01/01/1995.